CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An

Ngày 30/06/2025	15,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	10.4%	**9.1%**	**9.1%**

DT thuần
Q2/25
9.70
tỷ VNĐ
QoQ: ▼201| -95.4%
YoY: ▼0.90| -8.5%

LN thuần
Q2/25
1.48
tỷ VNĐ
QoQ: ▼18.7| -92.7%
YoY: ▲ 1.42| 2363%

LN sau thuế
Q2/25
0.44
tỷ VNĐ
QoQ: ▼15.3| -97.2%
YoY: ▲ 0.38| 635%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
70.8%
YoY: +/-▲ 61.3%

ROE (TTM)
Q2/25
25.7%
YoY: +/-▲ 0.5%

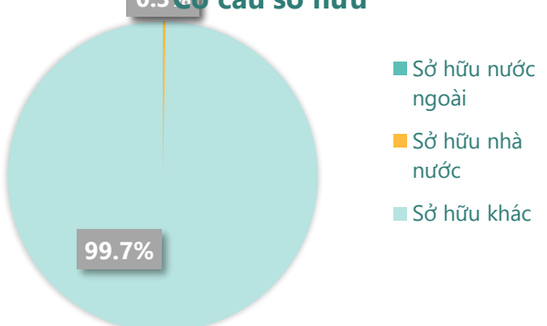
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	11,299 - 17,808
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	109
Số lượng CPLH (CP)	6,894,164
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,685
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.89
EPS	4,468
P/E	3.5

DT thuần
6T 2025
220
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 207| 1612%

LN thuần
6T 2025
21.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 22.8| 2067%

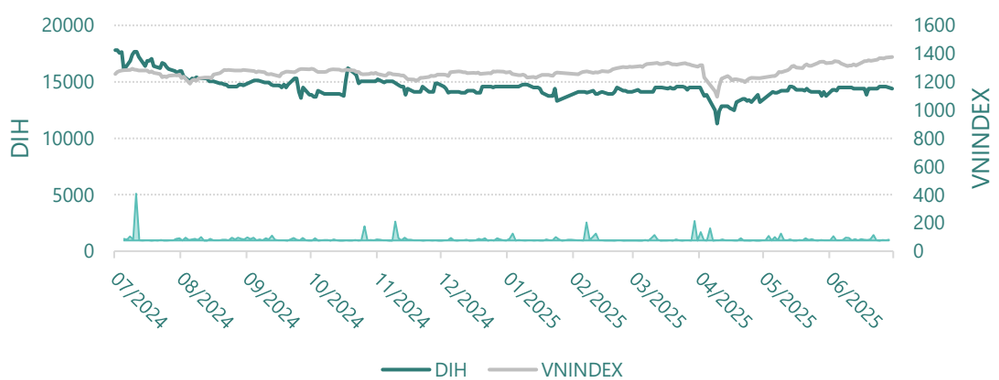
LN sau thuế
6T 2025
16.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 17.2| 1564%

Cơ cấu sở hữu

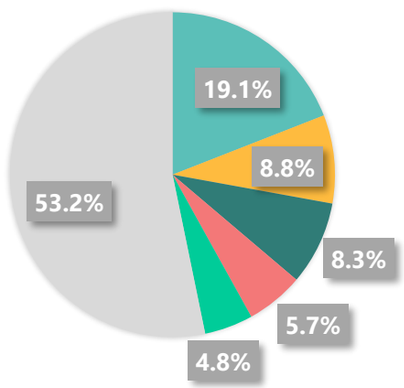


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

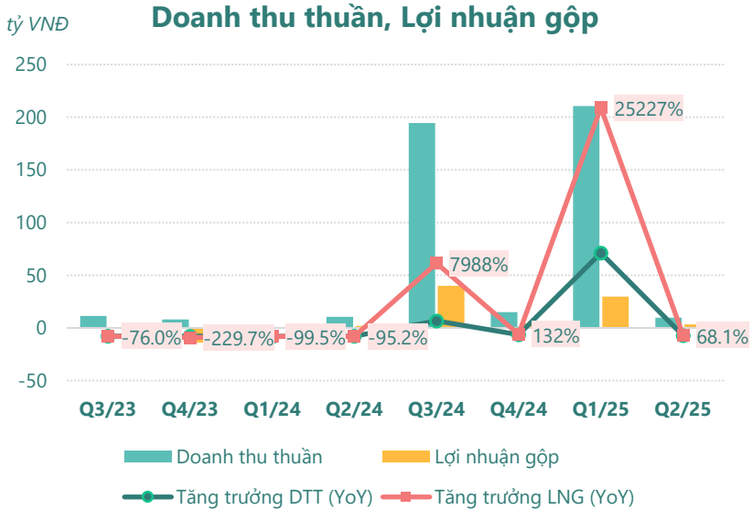


- Trần Đình Huy (Phó Tổng giám đốc)
- Đỗ Thành Quảng
- Vũ Văn Thành
- Dương Phú Hưng
- Nguyễn Đình Thành
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

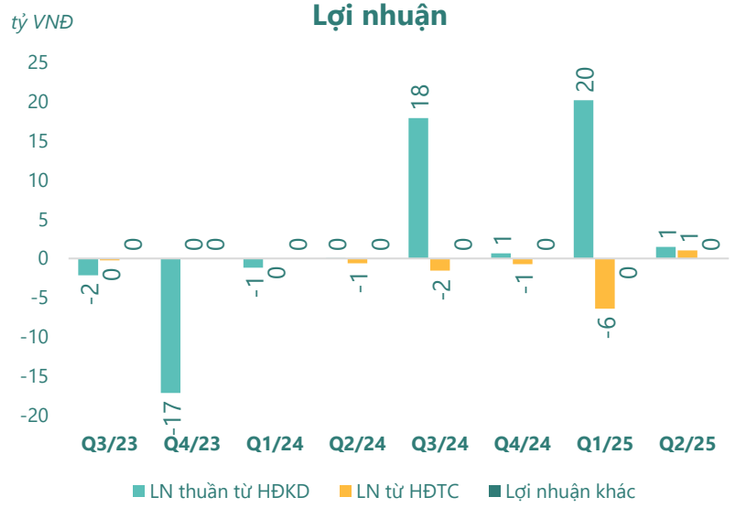
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



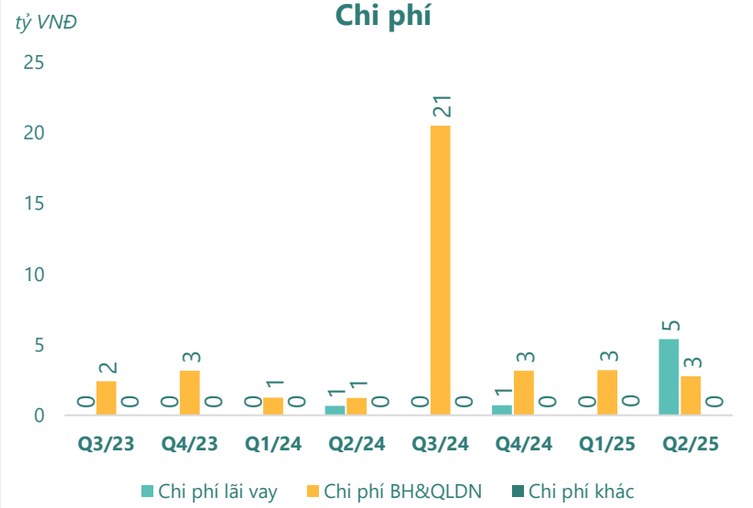
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



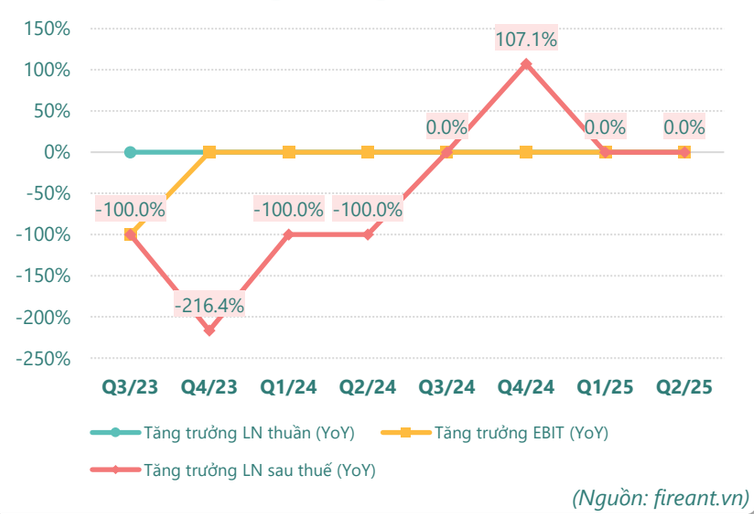
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



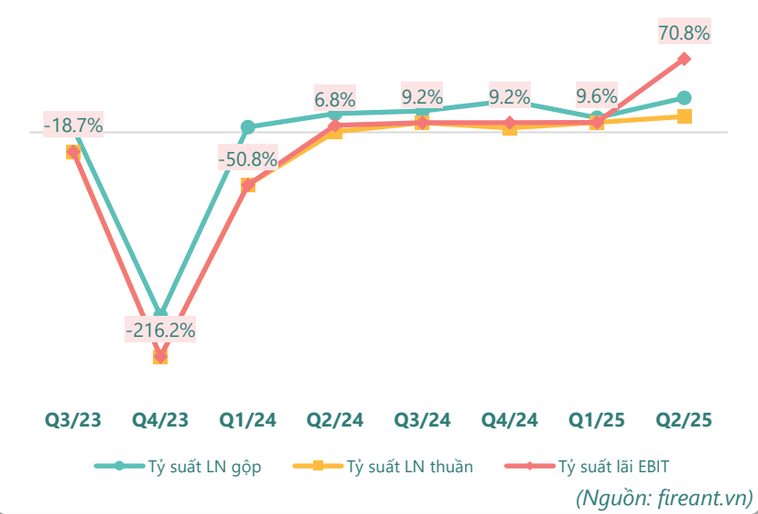
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



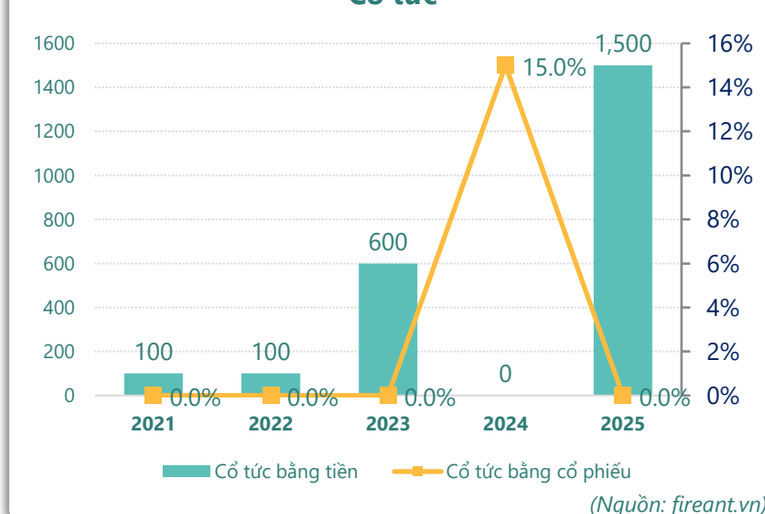
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

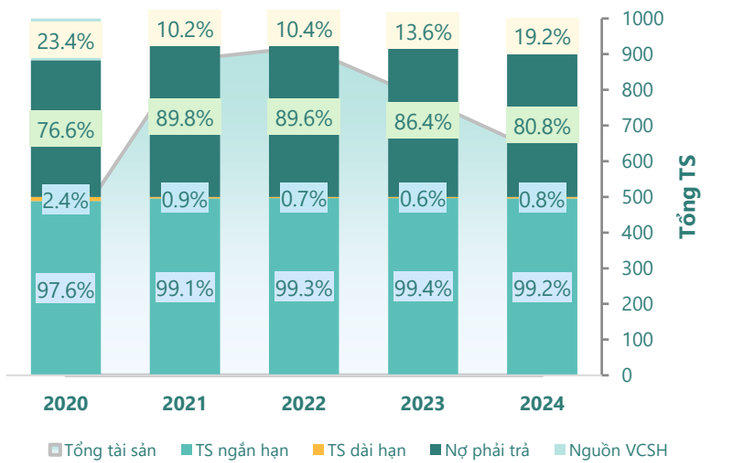
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

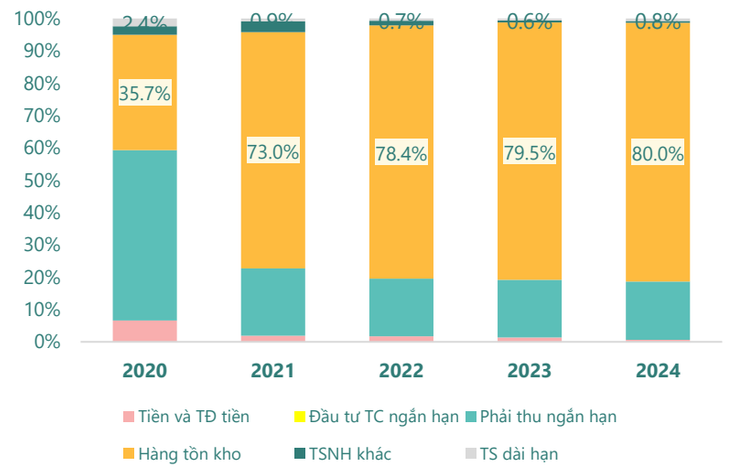
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



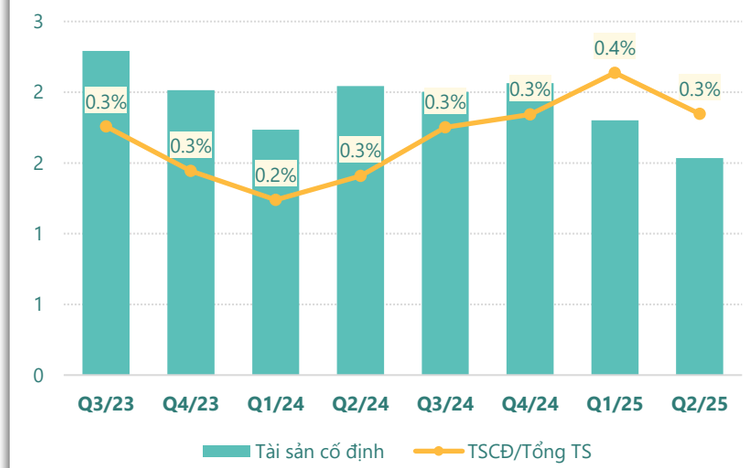
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



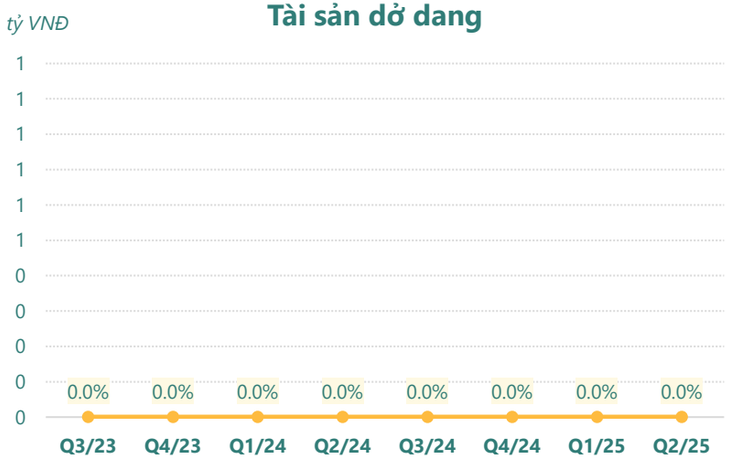
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



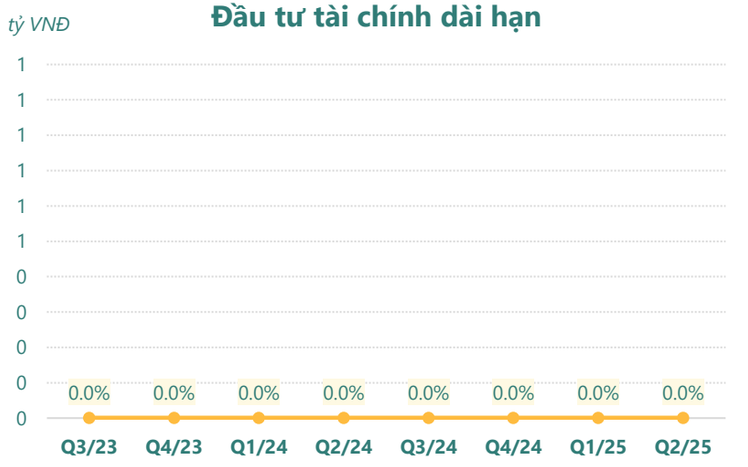
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



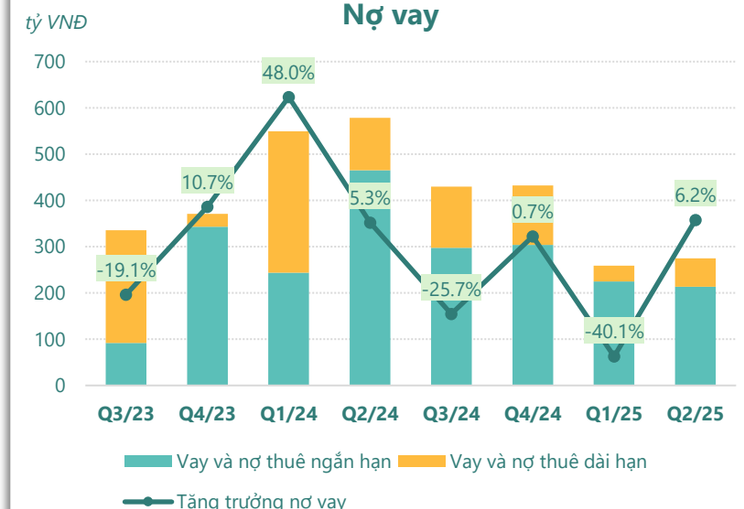
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

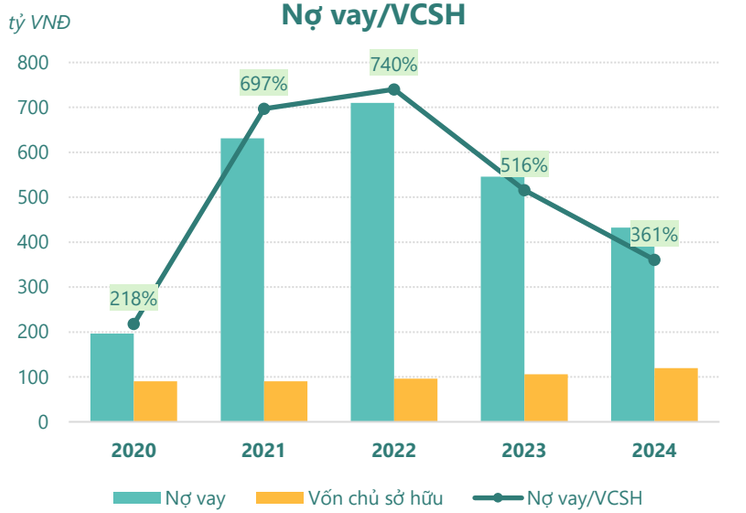
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

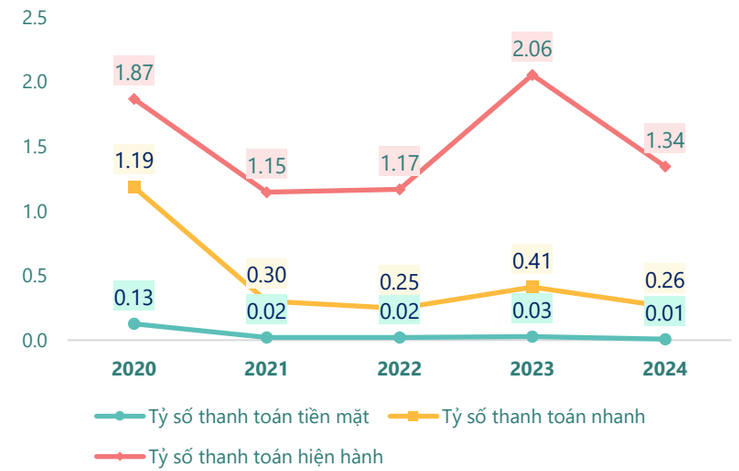
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



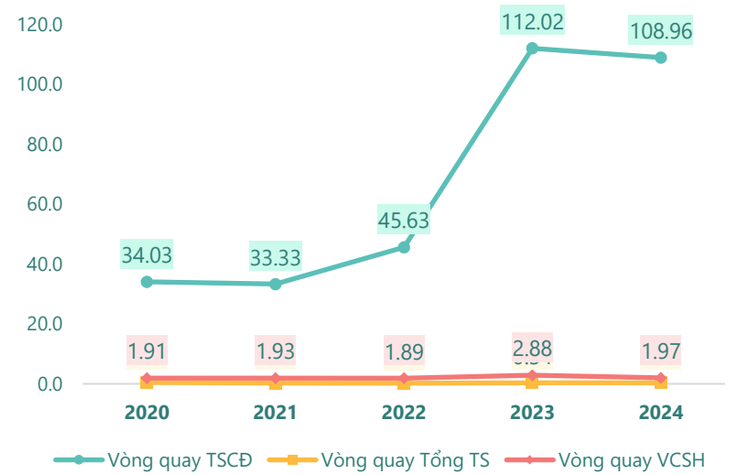
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



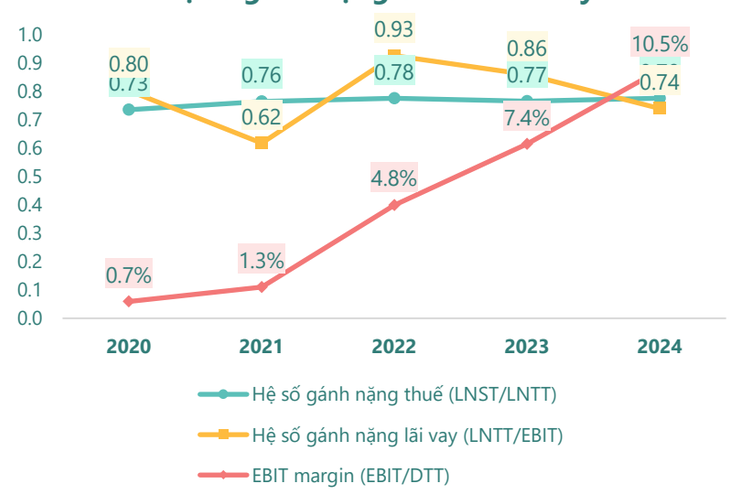
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



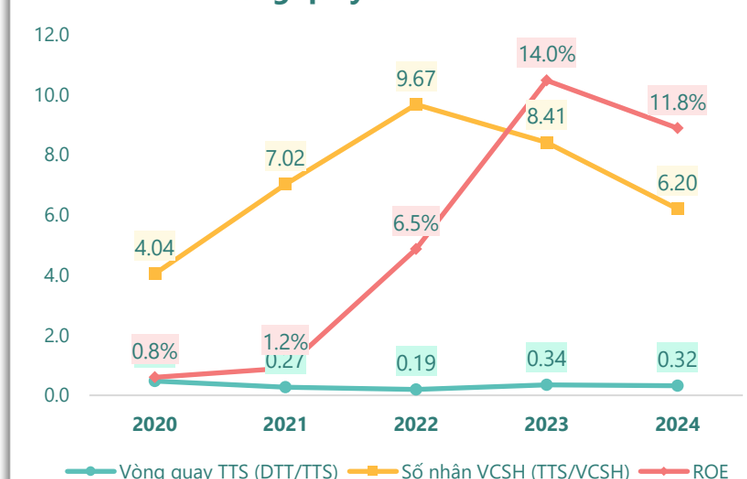
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



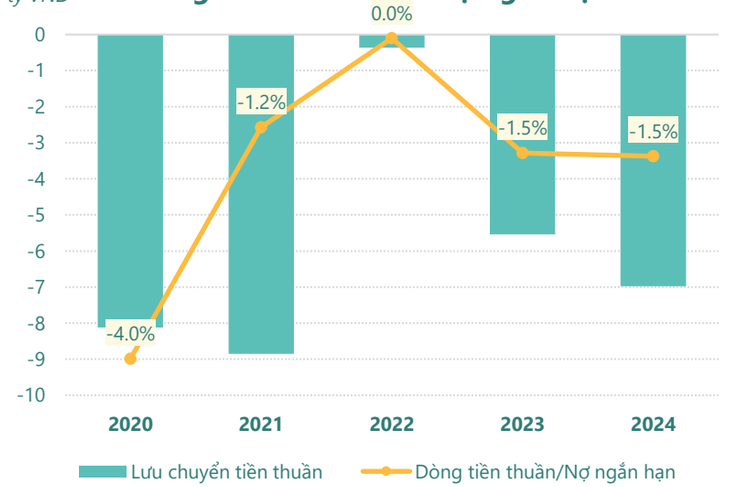
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**9.70**	**10.6**	**-8.5%**	**220**	**12.9**	**1612%**
Giá vốn hàng bán	6.48	8.67	-25.3%	187	10.8	1629%
Lợi nhuận gộp	3.22	1.92	67.8%	33.0	2.03	1522%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.01	4.0%	0.01	0.01	-9.4%
Chi phí TC	-1.01	0.63	-260%	5.39	0.66	720%
Chi phí lãi vay	5.39	0.66	717%	5.39	0.66	720%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**2.77**	**1.24**	**123%**	**5.96**	**2.49**	**139%**
LN thuần từ HĐKD	1.48	0.06	2363%	21.7	-1.10	2067%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**-0.03**	**0**	
LN trước thuế	1.48	0.06	2363%	21.6	-1.10	2064%
Lợi nhuận sau thuế	**0.44**	**0.06**	**635%**	**16.1**	**-1.10**	**1564%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.44**	**0.06**	**635%**	**16.1**	**-1.10**	**1564%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-12.9	-18.6	138	-1.88	176	-13.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	-0.57	0.00	0.00	0.00	0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	4.26	30.4	-149	2.91	-174	16.0
Tiền đầu kỳ	10.6	1.97	12.0	1.45	2.48	4.52
Lưu chuyển tiền thuần	**-8.67**	**11.2**	**-10.6**	**1.04**	**2.03**	**2.93**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.97	13.2	1.45	2.48	4.52	8.63

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**462**	**623**	**-25.9%**
Tài sản ngắn hạn	457	618	-26.0%
Tiền và tương đương tiền	8.63	3.67	135%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	97.3	113	-13.6%
Hàng tồn kho	350	498	-29.9%
Tài sản ngắn hạn khác	1.70	3.36	-49.6%
Tài sản dài hạn	**4.29**	**4.87**	**-11.9%**
Phải thu dài hạn	0.32	0.32	0.1%
Tài sản cố định	1.53	2.06	-25.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**2.43**	**2.48**	**-2.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	327	503	-35.0%
Nợ ngắn hạn	**265**	**460**	**-42.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	214	389	-45.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	25.5	28.2	-9.6%
Nợ dài hạn	61.5	43.3	41.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	61.5	43.3	41.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**135**	**120**	**12.3%**
Vốn chủ sở hữu	**135**	**120**	**12.3%**
Vốn điều lệ	68.9	68.9	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)